TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:36/2022/DS - ST.
Ngày: 04- 8- 2022.
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hoàng Tha

2. Ông Thạch Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Lâm Hoàng Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thạch Thanh V, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp S, xã L, huyện L1, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Tăng T, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện L2, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Thạch Thanh V trình bày:

Vào ngày 28/9/2021, ông Tăng T có hỏi vay của ông số tiền là 30 triệu đồng, với lãi suất là 2 triệu đồng/tháng, sau khi đóng lãi tháng đầu tiên thì vào ngày 25/10/2021 ông Tăng T lại hỏi vay của ông thêm 30 triệu đồng, ông Thi hứa sẽ trả ông trong vòng một tháng, nhưng đến hạn trả thì ông Thi chỉ trả cho ông số tiền gốc là 10 triệu đồng và tiền lãi hai tháng là 08 triệu đồng. Còn lại 50 triệu đồng thì từ ngày 29/12/2021 ông Thi đã ngừng đóng lãi cho ông và cũng không trả lại tiền gốc đã vay.

Nay ông Thạch Thanh V yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Tăng T trả lại số tiền gốc là 50 triệu đồng (năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi kể từ ngày 29/12/2021 cho

đến nay theo lãi suất của ngân hàng Nhà nước 0,9%/tháng là 2.700.000 đồng. Tổng cộng là 52.700.000 đồng, yêu cầu trả 5.000.000 đồng/01 tháng.

Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích ông Thi vay là cho người khác vay lại, không có dùng chi tiêu chung trong gia đình nên ông không yêu cầu vợ ông Tăng T có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Tăng T trình bày:

Về thời gian thủ tục thỏa thuận giống như lời trình bày của nguyên đơn. Nay ông thừa nhận có nợ của ông Thạch Thanh V số tiền là 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh lãi kể từ ngày 29/12/2021 cho đến nay theo lãi suất của ngân hàng Nhà nước 0,9%/tháng là 2.700.000 đồng. Tổng cộng là 52.700.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, ông yêu cầu được trả 1.000.000 đồng/01 tháng và đối với số tiền lãi đã trả, ông không yêu cầu Tòa án tính lại.

Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích ông vay là cho người khác vay lại, không có dùng chi tiêu chung trong gia đình nên ông có trách nhiệm trả số tiền trên, không liên quan đến vợ con ông.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Thanh V về việc buộc ông Tăng T phải có trách nhiệm trả cho ông Thạch Thanh V số tiền là 52.700.000 đồng. Ngoài ra, ông Tăng T phải chịu án phí nhưng ông Thi là người dân tộc khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ông Thi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng vào ngày 28/9/2021, bị đơn có hỏi vay của nguyên đơn số tiền là 30 triệu đồng, với lãi suất là 2 triệu đồng/tháng, sau khi đóng lãi tháng đầu tiên thì vào ngày 25/10/2021 bị đơn lại hỏi vay thêm 30 triệu đồng, bị đơn hứa sẽ trả ông trong vòng một tháng, nhưng đến hạn trả thì bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 10 triệu đồng và tiền lãi hai tháng là 08 triệu đồng. Còn lại 50 triệu đồng thì từ ngày 29/12/2021 bị đơn đã ngừng đóng lãi và cũng không trả lại tiền gốc đã vay. Tổng số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn là 52.700.000 đồng bao gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi là 2.700.000 đồng từ ngày 29/12/2021 cho đến nay theo lãi suất của ngân hàng

Nhà nước 0,9%/tháng; đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích bị đơn vay là cho người khác vay lại, không có dùng chi tiêu chung trong gia đình. Bị đơn không phản đối tình tiết trên nên đối chiếu với khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 50.000.000 đồng và bị đơn thừa nhận có nợ của nguyên đơn số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu được trả 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi hết nợ; nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 5.000.000 đồng/01 tháng xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có vay và hiện nay còn nợ của nguyên đơn số tiền gốc là 50.000.000 đồng; theo như hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên, bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn số tiền trên trong thời hạn là 01 tháng nhưng bị đơn không thực hiện như cam kết và xét thấy bị đơn là người có lỗi để vi phạm hợp đồng, đến thời hạn không thực hiện đúng theo hợp đồng nên đối chiếu với Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 50.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi là 2.700.000 đồng tính từ ngày 29/12/2021 cho đến nay theo lãi suất của ngân hàng Nhà nước 0,9%/tháng. Bị đơn thống nhất trả cho nguyên đơn số tiền trên và không yêu cầu tính lại phần lãi đã trả nên đối chiếu khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 2.700.000 đồng là có căn cứ.

[4] Từ phân tích nêu trên bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 52.700.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 52.700.000 đồng Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, mục đích bị đơn vay là cho người khác vay lại, không có dùng chi tiêu chung trong gia đình nên Tòa án không đưa vợ ông Thi vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không buộc liên đới cùng bị đơn có trách nhiệm trả số tiền trên cho nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nhưng bị đơn là người dân tộc khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị đơn có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 463, Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Tăng T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Thạch Thanh V số tiền là 52.700.000 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Bao gồm 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn ông Thạch Thanh V cho đến khi thi hành án xong, nếu bị đơn ông Tăng T không trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn ông Thạch Thanh V thì hàng tháng bị đơn ông Tăng T còn phải trả cho nguyên đơn ông Thạch Thanh V số tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn ông Tăng T phải chịu 2.635.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng bị đơn ông Tăng T là người dân tộc khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị đơn ông Tăng T có đơn xin miễn án phí nên được miễn 2.635.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Nguyên đơn ông Thạch Thanh V không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (nguyên đơn ông Thạch Thanh V là người dân tộc khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nguyên đơn ông Thạch Thanh V có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn tạm ứng án phí).

3. Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyệnLong Phú;
- TA tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS,VP).

Dương Thị Thanh Hoa